

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Trường Hoa

2/ Bà Hồ Thị Kim Luyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 661/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1983
ĐKTT: 311/26 Ng, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ
Chỗ ở hiện nay: 75/28 V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Trang Sỹ T, sinh năm 1977
ĐKTT: 29/19 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ
(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 và bản tự khai nguyên đơn – bà Bùi Thị Mỹ D trình bày:

Bà và ông Trang Sỹ T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 31/10/2006. Trong thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa. Ông bà đã sống ly thân khoảng 10 năm nay. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bà và ông T có 02 con chung tên Trang Bùi Ái V(nữ) sinh ngày 26/4/2009 và Trang Bùi Phúc V(nam) sinh ngày 21/10/2010. Sau khi ly hôn bà yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Bà và ông T không có nợ chung.

Bị đơn - ông Trang Sỹ T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng ông T đều vắng mặt và cũng không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Do ông T vắng mặt nên vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà D có đơn xin vắng mặt. Ông T vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Bà D và ông T chung sống có đăng ký kết hôn, có 02 con chung. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nên bà D yêu cầu ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông bà không có tài sản chung và nợ chung. Hai con chung của bà D và ông T có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Bà D và ông T đã sống ly thân khoảng 10 năm nay cùng với việc ông T luôn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Mỹ D và ông Trang Sỹ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 31/10/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Bùi Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trang Sỹ T nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trang Sỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D:

Theo bà D trình bày thì trong quá trình chung sống giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa nên bà và

ông T đã sống ly thân khoảng 10 năm nay. Ông T dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để giải quyết vụ việc hôn nhân của ông với bà D nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Thái độ của ông T thể hiện ông không còn quan tâm, tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà D và ông T đã sống ly thân trong thời gian dài. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông T mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung tên Trang Bùi Ái V(nữ) sinh ngày 26/4/2009 và Trang Bùi Phúc V(nam) sinh ngày 21/10/2010. Bà D trình bày hai con chung hiện đang sống cùng bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu V và cháu V1 đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các cháu nên giao các cháu cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung. Đồng thời do giải quyết vụ kiện vắng mặt ông T, không có ý kiến của ông T về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận N về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Bùi Thị Mỹ D.
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ D được ly hôn với ông Trang Sỹ T.
- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trang Bùi Ái V(nữ) sinh ngày 26/4/2009 và Trang Bùi Phúc V(nam) sinh ngày 21/10/2010 cho bà Bùi Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà Bùi Thị Mỹ D không yêu cầu ông Trang Sỹ T cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Mỹ D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, căn trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 003655 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ thì bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Bùi Thị Mỹ D và ông Trang Sỹ T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQN;
- CCTHADSQN;
- UBND P, T,
Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Thúy Mai